

UBND TỈNH KIÊN GIANG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1584/VP-KT
V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 14/2021/NĐ-CP ngày
01/3/2021 của Chính phủ quy
định xử phạt vi phạm hành chính
về chăn nuôi.

Kiên Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Để triển khai thực hiện Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi (đính kèm Nghị định).

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thanh Nhân có ý kiến chỉ đạo: giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương nghiên cứu, tham mưu đề xuất cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh xin thông báo đến các sở, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành TV BCĐ PCDB GS, GC&TS tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP và Phòng: KT;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đặng Vũ Bằng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác về chăn nuôi không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã;

- c) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư;
- d) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;
- đ) Đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định pháp luật.

3. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này là các đối tượng không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi là 01 năm, trừ trường hợp vi phạm hành chính về sản xuất, mua bán, nhập khẩu, xuất khẩu giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi, vật nuôi sống làm thực phẩm thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi, tổ chức, cá nhân phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi đã bị tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được áp dụng như sau:

a) Buộc thu hồi giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;

b) Buộc tái chế sản phẩm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;

c) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;

d) Buộc tái xuất sản phẩm thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi, vật nuôi sống làm thực phẩm;

đ) Buộc tiêu hủy chất cấm, nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi, động vật, sản phẩm giống vật nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi;

e) Buộc hủy bỏ kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; hủy bỏ kết quả khảo nghiệm, kiểm định dòng, giống vật nuôi;

g) Buộc sửa đổi thông tin đối với lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên nhãn sản phẩm hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo;

h) Hủy bỏ thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã công bố trên Công thông tin một cửa quốc gia, Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

i) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định;

k) Buộc cải chính thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

l) Buộc sử dụng vật nuôi đúng mục đích nhập khẩu;

m) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

n) Buộc thả chim yến về môi trường tự nhiên;

o) Buộc thực hiện biện pháp giảm tiếng ồn theo quy định;

p) Buộc di dời vật nuôi, trang trại chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định;

q) Buộc xử lý nhiệt đối với động vật vi phạm theo quy định;

r) Buộc giảm quy mô chăn nuôi cho phù hợp với khoảng cách theo quy định.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền xử phạt

1. Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

Chương II **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT** **VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

Mục 1 **VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ GIỐNG VẬT NUÔI**

Điều 6. Vi phạm quy định về thu thập, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai thác nguồn gen giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn không đúng với nội dung được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi khai thác nguồn gen giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giết thịt, mua bán, tiêu hủy, xuất khẩu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi mới phát hiện mà chưa có kết quả thẩm định, đánh giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi phá hoại, chiếm đoạt nguồn gen giống vật nuôi.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi phá hoại, chiếm đoạt nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về giống vật nuôi cấm xuất khẩu; trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm không đúng với nội dung cho phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, trao đổi quốc tế giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo không đúng với nội dung cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong hành vi vi phạm sau đây:

a) Trao đổi nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm mà không được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Xuất khẩu, trao đổi quốc tế giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi không được cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức được cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu xác nhận về chất lượng giống, mục đích sử dụng để nhân giống, tạo giống.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu tinh, phôi từ lần thứ hai của cùng cá thể giống mà không thông báo bằng văn bản cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi nhập khẩu;

b) Nhập khẩu đực giống từ lần thứ hai của cùng giống và cùng cơ sở sản xuất mà không thông báo bằng văn bản cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu đực giống, tinh, phôi giống gia súc lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam mà không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tái xuất giống vật nuôi, sản phẩm giống vật nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp không thể tái xuất thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng;

b) Buộc tái xuất đực giống, tinh, phôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; trường hợp không thể tái xuất thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng đối với đực giống và buộc tiêu hủy đối với tinh, phôi.

Điều 9. Vi phạm quy định về điều kiện sản xuất, mua bán con giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán con giống vật nuôi mà không lưu, cập nhật đầy đủ hồ sơ giống.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất mỗi loại giống vật nuôi mà không có hồ sơ giống, không cập nhật đầy đủ hồ sơ giống; không lưu hoặc lưu không đầy đủ hồ sơ giống theo quy định;

b) Cơ sở nuôi đàn giống cấp bố mẹ đối với lợn, gia cầm, đàn nhân giống, sản xuất con giống vật nuôi không có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở nuôi giữ giống gốc, cơ sở tạo dòng, giống vật nuôi không có nhân viên kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán dòng, giống vật nuôi mới mà chưa có kết quả khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp quốc gia đã được công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng dòng, giống vật nuôi đã bán ra thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về điều kiện sản xuất, mua bán tinh, phối, trứng giống, ấu trùng

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đực giống để phối giống trực tiếp nhằm mục đích thương mại mà không có hồ sơ giống; đực giống chưa được kiểm tra, đánh giá chất lượng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về mua bán tinh, phối giống vật nuôi sau đây:

a) Nơi bảo quản không tách biệt hoặc bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại;

b) Không có sổ sách theo dõi việc bảo quản, mua bán tinh, phối.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về cá nhân làm dịch vụ thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phối giống vật nuôi sau đây:

a) Không có chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phối theo quy định;

b) Không có hồ sơ ghi chép thông tin về chủ hộ, số hiệu đực giống, cái giống, ngày phối giống, lần phối theo quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi mua bán trứng giống, ấu trùng giống vật nuôi không có hồ sơ giống theo quy định.

5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về sản xuất tinh, phối, trứng giống, ấu trùng giống vật nuôi sau đây:

a) Không có hồ sơ theo dõi chỉ tiêu chất lượng tinh trong thời gian kiểm tra, khai thác tinh đực giống;

b) Không có trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để sản xuất, kiểm tra, đánh giá, bảo quản và vận chuyển tinh, phối, trứng giống, ấu trùng;

c) Sản xuất tinh từ đực giống chưa được kiểm tra năng suất cá thể;

d) Khai thác trứng giống không phải từ đàn giống cấp bố mẹ hoặc tương đương trở lên, trừ trường hợp khai thác trong tự nhiên.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy tinh, trứng giống đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c và điểm d khoản 5 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về chất lượng giống vật nuôi trong sản xuất, mua bán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán giống vật nuôi có mỗi chỉ tiêu mức chất lượng thấp hơn so với tiêu chuẩn công bố đối với lô hàng có giá trị dưới 50.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán giống vật nuôi có mỗi chỉ tiêu mức chất lượng thấp hơn so với tiêu chuẩn công bố đối với lô hàng có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng giống vật nuôi đã bán ra ngoài thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về khảo nghiệm, kiểm định dòng, giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lưu hồ sơ hoặc lưu hồ sơ không đầy đủ về quá trình khảo nghiệm, kiểm định dòng, giống vật nuôi theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện khảo nghiệm, kiểm định không đủ điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện khảo nghiệm, kiểm định không có nhân viên kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm, kiểm định không trung thực.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm, kiểm định của cơ sở khảo nghiệm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc hủy bỏ kết quả khảo nghiệm, kiểm định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về chứng chỉ, giấy phép trong quản lý giống vật nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho người khác thuê, mượn sử dụng chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi;

b) Hành nghề thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi giống vật nuôi nhưng không có Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung một trong các loại giấy tờ sau đây:

a) Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi;

b) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống vật nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 2

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỨC ĂN CHĂN NUÔI

Điều 14. Vi phạm quy định về điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất thức ăn chăn nuôi theo quy định;

b) Không có biện pháp kiểm soát động vật gây hại, tạp chất, chất thải gây nhiễm bẩn, ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng thức ăn chăn nuôi;

c) Không có trang thiết bị, dụng cụ đo lường được kiểm định, hiệu chỉnh theo quy định;

d) Không thực hiện phân tích chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi trong quá trình sản xuất;

đ) Không có người phụ trách kỹ thuật hoặc người phụ trách kỹ thuật có trình độ chuyên môn không phù hợp;

e) Không có giải pháp thu gom và xử lý chất thải để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm;

g) Không thiết kế khu sản xuất, bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, bảo đảm tách biệt giữa các khu sản xuất để tránh nhiễm chéo; trừ trường hợp nguyên liệu, thành phẩm đã được bao gói kín hoặc các khu sản xuất được bố trí riêng biệt;

h) Không có biện pháp bảo quản nguyên liệu thức ăn chăn nuôi theo khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi nhưng không làm thủ tục để được cấp lại theo quy định;

b) Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh không có biện pháp kiểm soát bảo đảm không phát tán, gây nhiễm chéo giữa các loại kháng sinh khác nhau, giữa thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh và thức ăn chăn nuôi không chứa kháng sinh.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tẩy, xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có địa điểm sản xuất nằm trong khu vực bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại mà không có biện pháp phòng ngừa ngăn chặn nguy cơ ô nhiễm.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn chăn nuôi trong thời gian bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ sản xuất.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn chăn nuôi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.

8. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán ra ngoài thị trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về công bố thông tin sản phẩm và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi thông tin trên nhãn sản phẩm đã công bố trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà không thực hiện công bố thay đổi thông tin theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lưu mẫu, không lưu kết quả thử nghiệm thức ăn chăn nuôi theo quy định;

b) Không thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung trong quy trình kiểm soát chất lượng;

c) Không ghi và lưu nhật ký sản xuất theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ đề nghị công bố thông tin mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Cố ý sửa chữa hoặc tẩy xoá làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ tự công bố thông tin mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Hủy bỏ thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin không đúng sự thật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về chất lượng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 2% đến dưới 5% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn vượt quá từ 2% đến dưới 5% so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về sản xuất mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có mỗi chỉ tiêu vi sinh vật gây hại vượt ngưỡng tối đa quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu an toàn cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tái chế lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này; trường hợp không thể tái chế thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Điều 17. Vi phạm quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về điều kiện cơ sở mua bán thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Không có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi theo hướng dẫn của tổ chức, cá nhân sản xuất, cung cấp;

b) Không có biện pháp phòng, chống động vật gây hại.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nơi bày bán, kho chứa thức ăn chăn nuôi không tách biệt hoặc bị ô nhiễm bởi thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với cơ sở nhập khẩu thức ăn chăn nuôi vi phạm một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ đề nghị công bố thông tin mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ tự công bố thông tin mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Không có hoặc không thuê kho bảo quản thức ăn chăn nuôi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và khuyến cáo của tổ chức, cá nhân cung cấp.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trừ trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm, nuôi thích nghi, nghiên cứu, khảo nghiệm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm, sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng sai mục đích so với giấy phép nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm, nuôi thích nghi, nghiên cứu, khảo nghiệm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm, sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cập nhật thông tin không đúng sự thật đối với mỗi lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trên Công thông tin một cửa quốc gia của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Hủy bỏ thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã công bố trên Công thông tin một cửa quốc gia, Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

c) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy;

d) Buộc tái xuất lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này; trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy;

đ) Buộc tiêu hủy lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về chất lượng trong mua bán thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 2% đến dưới 5% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn vượt quá từ 2% đến dưới 5% so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về mua bán mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có mỗi chỉ tiêu vi sinh vật gây hại vượt ngưỡng cho phép quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu an toàn cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi và tái chế lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này; trường hợp không thể tái chế thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Điều 19. Vi phạm quy định về chất lượng trong nhập khẩu thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 2% đến dưới

5% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn vượt quá từ 2% đến dưới 5% so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

b) Có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi sau đây:

a) Có mỗi chỉ tiêu vi sinh vật gây hại vượt ngưỡng cho phép quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

b) Có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu an toàn cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 30% so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

c) Có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa;

d) Có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng dinh dưỡng mỗi chỉ tiêu an toàn cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc sửa đổi thông tin chất lượng trên nhãn sản phẩm thức ăn chăn nuôi hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi mà không ảnh hưởng đến vật nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này; trường hợp không thể sửa đổi thông tin thì buộc tái chế hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng;

b) Buộc tái chế lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định khoản 4 Điều này; trường hợp không thể tái chế thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy;

c) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy.

Điều 20. Vi phạm quy định về mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi hết hạn sử dụng, sử dụng nguyên liệu hết hạn sử dụng trong sản xuất thức ăn chăn nuôi

1. Hành vi mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm thức ăn chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm dưới 1.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 2.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

g) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

h) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;

i) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

k) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

l) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

m) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc ghi không đúng ngày sản xuất trên nhãn hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm thức ăn chăn nuôi trong sản xuất, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn chăn nuôi có sử dụng mỗi loại nguyên liệu hoặc mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi đã hết hạn sử dụng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy;

c) Buộc sửa đổi thông tin đối với lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi theo mức phạt sau đây:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở khảo nghiệm không lưu hoặc lưu không đầy đủ hồ sơ về quá trình khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi theo quy định;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở khảo nghiệm không có người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học, công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở khảo nghiệm không có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn chăn nuôi.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi không trung thực.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc hủy bỏ kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi đã thực hiện đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về sản xuất, mua bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng kháng sinh khác với hàm lượng ghi trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo từ 10% đến dưới 30%.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh không ghi rõ tên và hàm lượng kháng sinh, hướng dẫn sử dụng, thời gian ngưng sử dụng trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo;

b) Sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có hàm lượng kháng sinh khác với hàm lượng theo quy định hoặc trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo từ 30% trở lên;

c) Sản xuất, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh không có đơn hoặc không theo đơn của người có chứng chỉ hành nghề phòng, trị bệnh cho động vật theo quy định của pháp luật về thú y.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh, không phải là thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gia súc, gia cầm hoặc thức ăn tinh cho gia súc ăn cỏ theo quy định;

b) Sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích phòng bệnh cho vật nuôi không phải ở giai đoạn con non theo quy định;

c) Sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh nhằm mục đích kích thích sinh trưởng.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh không phải là thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, mua bán, nhập khẩu mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh không phải là thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc sửa đổi thông tin lô thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh về tên kháng sinh, hàm lượng kháng sinh, hướng dẫn sử dụng, thời gian ngưng sử dụng trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu kèm theo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc tái chế lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh trong sản xuất, mua bán đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này; trường hợp không thể tái chế thì buộc tiêu hủy;

c) Buộc tiêu hủy lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh trong sản xuất, mua bán đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này;

d) Buộc tái xuất lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh trong nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này; trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy.

Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi loại nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi để sản xuất thức ăn chăn nuôi có giá trị dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi loại nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi để sản xuất thức ăn chăn nuôi có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

b) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng lô nguyên liệu và lô sản phẩm thức ăn chăn nuôi có chứa nguyên liệu không có trong Danh mục nguyên liệu được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Mục 3

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Điều 24. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi nông hộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc di dời vật nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 25. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ về quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc;

b) Không bảo đảm khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định.

2. Hành vi vi phạm quy định về kê khai chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc giảm quy mô chăn nuôi cho phù hợp với khoảng cách theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc di dời trang trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lưu giữ, cập nhật đầy đủ hồ sơ về quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để bảo đảm truy xuất nguồn gốc;

b) Thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đã được cấp nhưng không làm thủ tục để đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi;

c) Không bảo đảm khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi trốn tránh, cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu việc thực hiện đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tẩy, xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

4. Hành vi vi phạm về kê khai chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kê khai;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong kê khai nhằm mục đích trục lợi.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động chăn nuôi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi chăn nuôi tại khu vực không được phép chăn nuôi.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc giảm quy mô chăn nuôi cho phù hợp với khoảng cách theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc di dời trang trại chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về hoạt động nuôi chim yến

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng loa phóng phát âm thanh để dẫn dụ chim yến trong trường hợp nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300 m hoạt động trước ngày Nghị định số 13/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thiết bị phát âm thanh để dẫn dụ chim yến vượt mức tiếng ồn tối đa cho phép theo quy định;

b) Phát âm thanh để dẫn dụ chim yến ngoài khoảng thời gian theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi săn bắt, dẫn dụ chim yến để sử dụng vào mục đích khác ngoài mục đích nuôi chim yến để khai thác tổ yến hoặc nghiên cứu khoa học.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện biện pháp giảm tiếng ồn theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc thả chim yến về môi trường tự nhiên đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về sử dụng chất cấm, thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh trong chăn nuôi

1. Hành vi sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh không tuân thủ hướng dẫn của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc cung cấp thức ăn chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

2. Hành vi không ghi nhật ký sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh để phòng bệnh cho vật nuôi ở giai đoạn con non, trị bệnh cho vật nuôi nhiễm bệnh bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

3. Hành vi sử dụng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhằm mục đích kích thích sinh trưởng bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chăn nuôi nông hộ;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa;

d) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

4. Hành vi sử dụng chất cấm trong chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi chất cấm trong chăn nuôi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi chất cấm trong chăn nuôi đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi được mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy;

b) Buộc tiêu hủy chất cấm và vật nuôi đã sử dụng chất cấm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về hoạt động chăn nuôi, đối xử nhân đạo với vật nuôi, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đánh đập, hành hạ tàn nhẫn đối với vật nuôi.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở giết mổ tập trung có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có nơi lưu giữ vật nuôi bảo đảm vệ sinh trước khi giết mổ;

b) Đánh đập vật nuôi trước khi giết mổ;

c) Không có biện pháp gây ngắt vật nuôi trước khi giết mổ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cản trở, phá hoại, xâm phạm trái phép hoạt động chăn nuôi hợp pháp.

4. Hành vi đưa vật thể lạ, bơm nước cưỡng bức hoặc các chất khác vào cơ thể động vật trên cạn trước khi giết mổ bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp tổng khối lượng động vật vi phạm dưới 100 kg;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp tổng khối lượng động vật vi phạm từ 100 kg đến dưới 500 kg;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp tổng khối lượng động vật vi phạm từ 500 kg đến dưới 1.000 kg;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp tổng khối lượng động vật vi phạm từ 1.000 kg trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi phá hoại hoạt động chăn nuôi được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc xử lý nhiệt đối với động vật thuộc hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; trường hợp tái phạm thì buộc tiêu hủy.

Điều 30. Vi phạm quy định về xử lý chất thải chăn nuôi trang trại

1. Hành vi vi phạm quy định về xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ;

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

2. Hành vi vi phạm quy định về xử lý nước thải chăn nuôi không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi cho cây trồng bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

3. Hành vi vi phạm quy định về xử lý khí thải từ hoạt động chăn nuôi không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải chăn nuôi bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa;

c) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả khắc phục trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về xử lý chất thải chăn nuôi nông hộ

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả khắc phục trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua bán mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng;

b) Nhập khẩu mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua bán mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nhập khẩu mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mua bán sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động mua bán sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;

b) Nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy;

b) Buộc tái xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này; trường hợp không thể tái xuất thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Điều 33. Vi phạm quy định đối với cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, hóa học, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường;

b) Không thực hiện phân tích chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong quá trình sản xuất;

c) Không có dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất sản phẩm;

d) Không có đầy đủ thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng, bảo đảm độ chính xác theo quy định của pháp luật về đo lường;

đ) Không có kho bảo quản sản phẩm;

e) Không có thiết bị tạo môi trường, lưu giữ và nuôi cấy vi sinh vật bảo đảm an toàn cho người và môi trường trong trường hợp cơ sở sản xuất sinh khối vi sinh vật để sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố ý sửa chữa hoặc tẩy xóa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ hoặc khai báo không đúng sự thật trong hồ sơ công bố thông tin mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố áp dụng.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi chưa được công bố thông tin sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ sản xuất.

6. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật trên Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc tái chế sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này; trường hợp không thể tái chế thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng;

c) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này; trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Điều 34. Vi phạm quy định về khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm phù hợp với việc khảo nghiệm mỗi sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi;

b) Không có người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, hóa học, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường;

c) Không có thiết bị nuôi, giữ vi sinh vật để phục vụ việc khảo nghiệm trong trường hợp cơ sở khảo nghiệm các sản phẩm vi sinh vật sử dụng để xử lý chất thải chăn nuôi;

d) Không lưu hồ sơ hoặc lưu không đầy đủ kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi không trung thực.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc hủy bỏ kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã thực hiện đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 35. Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi, vật nuôi sống làm thực phẩm

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu vật nuôi sống làm thực phẩm nhưng để lại nuôi làm giống với mục đích thương mại;

b) Nhập khẩu mỗi sản phẩm chăn nuôi có chứa chất cấm trong chăn nuôi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại vật nuôi sống có sử dụng chất cấm trong chăn nuôi làm thực phẩm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc sử dụng vật nuôi đúng mục đích nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều này; trường hợp không thể tái xuất thì buộc tiêu hủy.

Chương III

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 36. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về chăn nuôi gồm:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi quy định tại các điều từ Điều 37 đến Điều 43 Nghị định này;

b) Công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 42 và Điều 43 Nghị định này được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm hành chính về chăn nuôi;

c) Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân quy định tại Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Nghị định này được giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm hành chính về chăn nuôi.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm ra quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền quy định tại các điều từ Điều 37 đến Điều 43 Nghị định này ra quyết định xử phạt.

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm đ và điểm i khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cây truyền phôi giống vật nuôi do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực nuôi thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cây truyền phôi giống vật nuôi do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành chăn nuôi, thú y đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này.

2. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với lĩnh vực điều kiện chăn nuôi;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này.

3. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bảo vệ thực vật đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này.

4. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về chăn nuôi, thú y; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Chăn nuôi; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về chăn nuôi, thú y có quyền:

- a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;
- b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q và r khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

5. Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, k và m khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

6. Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, l và q khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

7. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Thú y có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, k, l, m và q khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

8. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành về chăn nuôi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 70.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cây truyền phôi giống vật nuôi do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

9. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Chăn nuôi có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng có thời hạn Chứng chỉ đào tạo về thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật cấy truyền phôi giống vật nuôi do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

10. Cục trưởng Cục Thú y có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, k, l, m và q khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

11. Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, k và m khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

12. Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có quyền:

a) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, l và q khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 39. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này.

4. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, g, h, i, n, p, q và r khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, g, h, i, m, n, p, q và r khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục cảnh sát giao thông; Cục trưởng Cục An ninh kinh tế có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;
- b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, g, h, i, m, n, p, q và r khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 40. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 1.500.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ và g khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 30.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ và g khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;
- b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt được quy định tại điểm a khoản này;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ và g khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

- a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;
- b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ và g khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.
2. Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng có quyền phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.
3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 20.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;
 - b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;
 - c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ và g khoản 3 Điều 4 Nghị định này.
4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:
 - a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

- b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ, g và m khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, c, d, đ, g và m khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, c, d, đ, g và m khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm các điểm b, c, d, đ, g và m khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền phạt tiền đến 500.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, g và m khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm a khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và m khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với lĩnh vực giống vật nuôi; 100.000.000 đồng đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và điều kiện chăn nuôi;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và m khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 44. Phân định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan Thanh tra, cơ quan Hải quan, cơ quan Quản lý thị trường, Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1, 2 và 3 Điều 10; khoản 1 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 16; khoản 1 và khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 18; điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 25; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 28; khoản 1 và khoản 2 Điều 29; điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 30; Điều 31 và khoản 1 Điều 33 Nghị định này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; khoản 1 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; khoản 1, 2 và 3 Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33 và Điều 35 Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34 và Điều 35 Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra:

a) Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về chăn nuôi, thú y; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Chăn nuôi; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về chăn nuôi, thú y xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; khoản 1 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; khoản 1, 2 và 3 Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; khoản 1, 2 và 3 Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33 và Điều 35 Nghị định này;

b) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành về chăn nuôi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6; khoản 1 và khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; khoản 1, 2 và 3, điểm a khoản 4 Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33 và Điều 35 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Bảo vệ thực vật xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17; Điều 19; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; Điều 22 Nghị định này;

d) Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Chi cục trưởng Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 29 và Điều 35 Nghị định này;

đ) Cục trưởng Cục Thú y; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Thú y xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 17; Điều 19; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; Điều 22; Điều 29 và Điều 35 Nghị định này;

e) Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Chăn nuôi xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32; Điều 33; Điều 34 và Điều 35 Nghị định này.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân:

a) Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định này;

b) Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh kinh tế xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 13; khoản 4 Điều 14; điểm a, điểm b khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 17; khoản 2

Điều 20; điểm c khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 24; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 25; điểm c khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 1, khoản 3 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29; Điều 30; Điều 31; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

c) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 13; khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 14; điểm a, điểm b khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 17; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22; Điều 24; điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25; điểm c khoản 1, khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 1, 3 và 4 Điều 29; Điều 30; Điều 31; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; khoản 5 Điều 33; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

d) Cục trưởng Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường; Cục trưởng Cục cảnh sát giao thông; Cục trưởng Cục An ninh kinh tế xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 6; Điều 7; khoản 2 Điều 13; khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 14; điểm a và điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 17; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22; Điều 24; điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25; điểm c khoản 1, khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 và khoản 4 Điều 28; khoản 1, 3 và 4 Điều 29; Điều 30; Điều 31; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; khoản 5 Điều 33; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Cảnh sát biển Việt Nam:

a) Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3 Điều 22; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

b) Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

c) Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

d) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam, xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7; Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng:

a) Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3 Điều 22; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

b) Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7; Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; điểm c khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Hải quan:

a) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; Điều 19; điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1, khoản 2 Điều 20; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 22; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7; Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; Điều 19; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; Điều 22; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này;

c) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7; Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 13; điểm b khoản 4 Điều 17; Điều 19; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; Điều 22; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 32; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định này.

7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường:

a) Đội trưởng Đội Quản lý thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 7; khoản 4 Điều 9; khoản 2 và khoản 4 Điều 10; Điều 11; khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 17; Điều 18; điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1, khoản 2 Điều 20; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 22; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh và Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 6; khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 9; khoản 2 và khoản 4 Điều 10; Điều 11; khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 17; Điều 18; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 22; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

c) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 6; khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 9; khoản 2 và khoản 4 Điều 10; Điều 11; khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 17; Điều 18; khoản 1 và khoản 2 Điều 20; khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 22; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định này.

Điều 45. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi có quyền tạm giữ giấy tờ có liên quan đến phương tiện, chứng chỉ chuyên môn cho đến khi tổ chức, cá nhân chấp hành xong quyết định xử phạt. Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm không có những giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện theo thẩm quyền.

Trường hợp vi phạm hành chính mà theo Nghị định này quy định hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật phương tiện theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi được thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 4 năm 2021.

2. Nghị định này bãi bỏ các quy định về thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi trong Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản; điểm b khoản 7 Điều 20 Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

Điều 47. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi xảy ra trước khi Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động chăn nuôi được phát hiện sau khi Nghị định này có hiệu lực thuộc trường hợp được chuyển tiếp tại Luật Chăn nuôi và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Chăn nuôi thì tiếp tục áp dụng các quy định tại Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản để xử lý đến hết thời gian chuyển tiếp.

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (3b). 444



Nguyễn Xuân Phúc